

Hiệu quả thực hiện chính sách giảm nghèo theo tiêu chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều ở tỉnh Đồng Tháp

Nguyễn Việt Thanh*, Nguyễn Giác Trí**

Nhận ngày 27 tháng 9 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 6 tháng 12 năm 2022.

Tóm tắt: Đối với Việt Nam, đói nghèo gây ảnh hưởng lớn đến sự phát triển bền vững. Do vậy, xóa đói giảm nghèo, khuyến khích làm giàu chính đáng là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta. Bài viết phân tích tầm quan trọng, sự cần thiết và hiệu quả của việc thực thi chính sách giảm nghèo theo tiêu chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều ở tỉnh Đồng Tháp trong giai đoạn 2016-2020, nhằm góp phần tìm ra những giải pháp tích cực để phát huy thành tựu, khắc phục giảm thiểu những hạn chế, tồn tại của công tác xóa đói giảm nghèo bền vững ở tỉnh Đồng Tháp nói riêng và cả nước nói chung, góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và phấn đấu vì một Việt Nam dân giàu, nước mạnh xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Từ khóa: Chính sách giảm nghèo, tiêu chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều, Đồng Tháp.

Phân loại ngành: Kinh tế học

Abstract: For Vietnam, poverty has a great impact on sustainable development. Therefore, eradicating hunger and reducing poverty, encouraging legitimate enrichment constitute a major policy of Communist Party of Vietnam and State. The article analyses the importance, necessity and effectiveness of the implementation of the poverty reduction policy according to multidimensional poverty standards in Đồng Tháp province in the period 2016-2020, in order to contribute to finding positive solutions to bring into play the achievements, and overcome and minimise limitations and shortcomings of sustainable poverty reduction in the province in particular and the entire country in general, making an important contribution to the successful implementation of the Resolution of the Party's 13th Congress, and striving for a Vietnam with rich people, strong country and a democratic, fair and civilised society.

Keywords: Poverty reduction policy, multidimensional poverty standards, Đồng Tháp.

Subject classification: Economics

1. Đặt vấn đề

Đói nghèo là một vấn đề có tính toàn cầu. Đối với Việt Nam, đói nghèo gây ảnh hưởng lớn đến sự phát triển bền vững. Do vậy, xóa đói giảm nghèo, khuyến khích làm giàu chính đáng là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta. Trong công cuộc xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam nói chung, Đồng Tháp nói riêng, việc thực thi chính sách giảm nghèo theo tiêu chí chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, cùng với sự chung tay của nhân dân có vai trò vô cùng quan trọng.

Đồng Tháp là một tỉnh nằm ở miền Tây Nam Bộ, thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long. Tổng diện tích tự nhiên của tỉnh là 3.283 km², trong đó: diện tích thuộc vùng Đồng Tháp Mười là 2.477 km², chiếm 46,29% diện tích tự nhiên Đồng Tháp Mười. Đồng Tháp là một trong 13 tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long, nơi đầu nguồn sông Tiền chảy qua biên giới vào Việt Nam. Địa giới

* Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long.

Email: thanhnv@vlute.edu.vn

** Trường Đại học Đồng Tháp.

Email: ngtri@dthu.edu.vn

của tỉnh được phân chia 2 phần rõ rệt là vùng Đồng Tháp Mười và vùng đất phù sa nằm giữa sông Tiền và sông Hậu. Tỉnh Đồng Tháp có 12 đơn vị hành chính, bao gồm: 3 thành phố trực thuộc tỉnh (thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc và thành phố Hồng Ngự) và 9 huyện: Cao Lãnh, Châu Thành, Hồng Ngự, Lai Vung, Lấp Vò, Tam Nông, Tân Hồng, Thanh Bình, Tháp Mười. Toàn tỉnh có 143 xã, phường, thị trấn. Đầu năm 2022, dân số tỉnh Đồng Tháp đạt khoảng 1.586.438 người, với 436.885 hộ, trong đó, hộ thuộc diện hộ nghèo: “13,971 hộ, chiếm tỷ lệ 3,13%; hộ thuộc diện cận nghèo: 22,767 hộ, chiếm tỷ lệ 5.09%” (Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, 2022, tr.2).

Tỉ lệ đáng kể hộ nghèo và cận nghèo ở tỉnh Đồng Tháp đã đặt ra nhiều câu hỏi: Phải chăng là do chính sách giảm nghèo theo tiêu chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều ở tỉnh Đồng Tháp vẫn còn nhiều hạn chế về tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản như: y tế, giáo dục, thông tin, nhà ở, nước sạch, vệ sinh? Hay do việc giải quyết vấn đề xóa đói giảm nghèo chưa nhằm trúng đối tượng người nghèo? Hoặc do phương thức thực hiện trong việc phát huy vai trò của chính sách giảm nghèo theo tiêu chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều ở tỉnh Đồng Tháp chưa hợp lý, chủ yếu theo tư duy truyền thống, chỉ quan tâm đến các vấn đề như: ăn, mặc, ở, nhằm ổn định trước mắt, tách rời tăng trưởng kinh tế với xóa đói giảm nghèo, không còn phù hợp, nên chưa phát huy được vai trò của chính sách giảm nghèo theo tiêu chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều trong công cuộc xóa đói giảm nghèo ở các vùng đặc biệt khó khăn?

Vì vậy, cần phải cấp bách đổi mới tư duy của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở trong việc nâng cao hiệu quả, phát huy tác dụng của việc thực thi chính sách giảm nghèo theo tiêu chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều ở tỉnh Đồng Tháp trong giai đoạn hiện nay. Đặc biệt là cần tìm ra những giải pháp hữu hiệu để xóa đói giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết dùng phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng cơ sở lý luận. Trên cơ sở đó, chúng tôi đã tiếp cận một số nguồn tài liệu của C.Mác, Ph.Ăngghen và Hồ Chí Minh, Văn kiện Đại hội Đảng, Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng và Nhà nước, của tỉnh Đồng Tháp; đề tài khoa học, sách, bài viết đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế có liên quan đến giảm nghèo theo tiêu chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều ở Đồng Tháp để phân tích và rút ra những thông tin dữ liệu thứ cấp cần thiết.

Ngoài ra bài viết, còn sử dụng phương pháp Alkire-Foster để rà soát phân loại hộ nghèo theo nhóm nguyên nhân nghèo, phân tích hộ nghèo theo mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản, hộ nghèo theo các nhóm đối tượng tính toán sử dụng dữ liệu khảo sát mức sống dân cư theo phương pháp tính nghèo đa chiều quốc tế.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Khái quát về nghèo đa chiều, các tiêu chí giảm nghèo theo tiêu chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều

Chuẩn nghèo là thước đo (hay tiêu chí) nhằm xác định ai là người nghèo (hoặc không nghèo) để thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo của nhà nước nhằm bảo đảm công bằng trong thực hiện các chính sách giảm nghèo. Nghèo là một hiện tượng đa chiều, là sự thiếu hụt khả năng đạt được một mức độ phúc lợi tối thiểu của con người. Nghèo là thiếu hụt các tài sản có giá trị và cơ hội mà mỗi con người có quyền được hưởng như: quyền của con người và quyền được sống, quyền được bảo đảm an sinh xã hội và quyền được bảo vệ. Chính vì vậy mà người ta có thể định nghĩa nghèo dựa vào các thiếu hụt khác.

Theo tổ chức Liên Hợp Quốc: “Nghèo là thiếu năng lực tối thiểu để tham gia hiệu quả vào các hoạt động xã hội. Nghèo có nghĩa là không có đủ ăn, đủ mặc, không được đi học, không được khám chữa bệnh, không có đất đai để trồng trọt hoặc không có nghề nghiệp để nuôi sống bản thân,

không được tiếp cận tín dụng. Nghèo cũng có nghĩa là không an toàn, không có quyền và bị loại trừ, dễ bị bạo hành, phải sống trong các điều kiện rủi ro, không tiếp cận được nước sạch và công trình vệ sinh” (Đặng Nguyên Anh, 2015).

Chuẩn nghèo đa chiều theo quan niệm quốc tế khi mức thu nhập đã bảo đảm nhu cầu mức sống tối thiểu thì chỉ tính đến độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản và chuẩn đó là hộ nghèo nghiêm trọng nếu hộ đó thiếu từ 1/2 tổng số nhu cầu cơ bản trở lên; thiếu từ 1/3 - 1/2 tổng số nhu cầu sống cơ bản; thiếu từ 1/5 - 1/3 tổng số nhu cầu cơ bản (Đặng Nguyên Anh, 2015). Việt Nam chưa thể bỏ chuẩn nghèo về thu nhập do chưa đảm bảo mức sống tối thiểu. Về nhu cầu xã hội cơ bản, giảm nghèo trước năm 2015 ở Việt Nam tuy đã có chính sách trợ giúp người nghèo về tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, nhưng chưa đưa vào kết cấu trong chuẩn nghèo có tính đa chiều.

Thực tế cho thấy, chuẩn nghèo của Việt Nam được đánh giá là thấp so với thế giới, việc sử dụng tiêu chí thu nhập để đo lường nghèo đói là không đầy đủ. Nhiều trường hợp không nghèo về thu nhập nhưng lại khó tiếp cận được các dịch vụ cơ bản về y tế, giáo dục, thông tin... Do đó, nếu chỉ dùng thước đo duy nhất là dựa trên thu nhập hay chi tiêu, sẽ dẫn đến tình trạng bỏ sót đối tượng nghèo, dẫn đến sự thiếu công bằng, hiệu quả và bền vững trong thực thi các chính sách giảm nghèo.

Có nhiều cách định nghĩa khác nhau về nghèo đa chiều. Có thể hiểu, nghèo đa chiều còn gọi là nghèo do thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản. Mức thu nhập nằm trong giới hạn mức thu nhập của hộ nghèo, cận nghèo theo quy định, nhưng có thiếu hụt từ 3 tiêu chí các chiều tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

Theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/1/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, tại khoản 1, Điều 3: các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 gồm: (1) tiêu chí thu nhập: khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng/người/tháng, khu vực thành thị: 2.000.000 đồng/người/tháng; (2) tiêu chí mức độ thiếu hụt 6 dịch vụ xã hội cơ bản: việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin và 12 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản: việc làm, người phụ thuộc trong hộ gia đình, dinh dưỡng, bảo hiểm y tế, trình độ giáo dục của người lớn, tình trạng đi học của trẻ em, chất lượng nhà ở, diện tích nhà ở bình quân đầu người, nguồn nước sinh hoạt, nhà tiêu hợp vệ sinh, sử dụng dịch vụ viễn thông, phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

Tại khoản 2, Điều 3: chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 đã xác định: (1) chuẩn hộ nghèo: khu vực nông thôn là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 3 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên, khu vực thành thị là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 3 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên; (2) chuẩn hộ cận nghèo: khu vực nông thôn là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 3 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản, khu vực thành thị là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 3 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản; (3) chuẩn hộ có mức sống trung bình: khu vực nông thôn là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng, khu vực thành thị là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng; (4) chuẩn hộ nghèo, chuẩn hộ cận nghèo, chuẩn hộ có mức sống trung bình quy định tại khoản 2, Điều 3 là căn cứ để đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; là cơ sở xác định đối tượng để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội khác giai đoạn 2022-2025 (Chính phủ, 2021).

3.2. Quan điểm chỉ đạo, điều hành của tỉnh Đồng Tháp về giảm nghèo theo tiêu chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều

Kế thừa tinh thần, quan điểm chỉ đạo của các kỳ đại hội trước, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII tiếp tục khẳng định: “Đẩy mạnh tuyên truyền mục tiêu giảm nghèo sâu rộng,

khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người nghèo, tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả chính sách và nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng để thoát nghèo. Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Phát triển và mở rộng các loại hình nhà ở; đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê, nhà ở giá rẻ, nhà ở cho công nhân các khu công nghiệp” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, t.2, tr.138). Thực hiện Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, Tỉnh ủy Đồng Tháp ban hành Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2022-2025. Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Kế hoạch số 291/KH-UBND ngày 18/8/2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Kế hoạch xây dựng nhiều nội dung, trong đó có nội dung về các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản. Đồng Tháp tích cực hưởng ứng phong trào “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, “Tết vì người nghèo” (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp, 2021). Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận đã tích cực vận động và tiếp nhận từ các nguồn lực trong xã hội hơn 50 tỷ đồng.

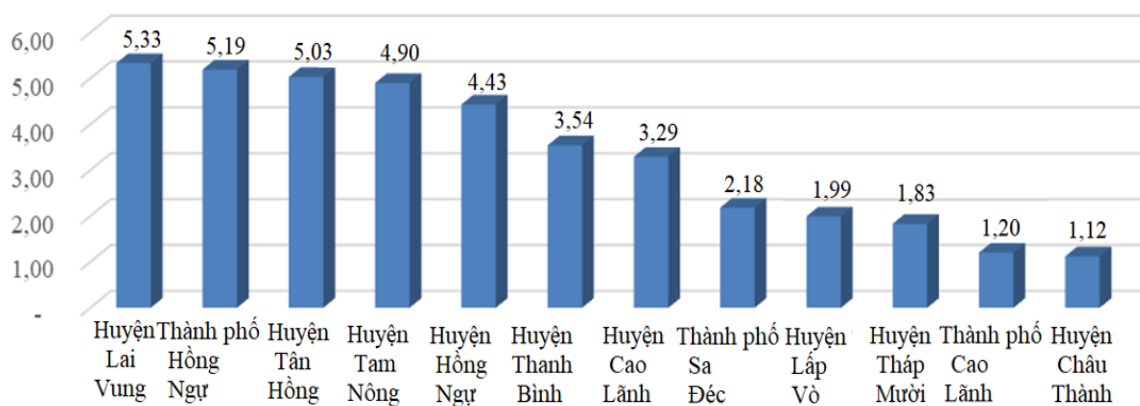
3.3. Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo tiêu chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 ở tỉnh Đồng Tháp

Hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2016-2020 theo chuẩn nghèo đa chiều quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020. Tổng số hộ dân cư toàn tỉnh Đồng Tháp: 436.885 hộ, trong đó, hộ thuộc diện hộ nghèo: 43.588 hộ (chiếm tỷ lệ 9,98%), hộ thuộc diện cận nghèo: 22.176 hộ (chiếm tỷ lệ 5,08%), có 41.516 hộ gia đình vươn lên thoát nghèo; tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2016-2020 giảm từ 9,98% xuống còn 1,86%; bình quân giảm nghèo giai đoạn 2016-2020 là 1,62%/năm, thu nhập bình quân hộ nghèo năm 2020 tăng 2,01 lần so với năm 2015; về việc làm, về nhà ở xây dựng và sửa chữa 8.127 căn nhà cho hộ nghèo và cận nghèo, giáo dục dạy nghề cho 4.264 hộ nghèo và cận nghèo (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp, 2021).

Theo kết quả khảo sát, tổng số hộ dân cư trên toàn địa bàn tỉnh Đồng Tháp là 447.028 hộ, trong đó, hộ thuộc diện hộ nghèo: 13.971 hộ, chiếm tỷ lệ 3,13%; hộ thuộc diện cận nghèo: 22.767 hộ, chiếm tỷ lệ 5,09% (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp, 2022).

Biểu đồ 1: So sánh tỷ lệ hộ nghèo giữa các đơn vị giai đoạn 2022-2025

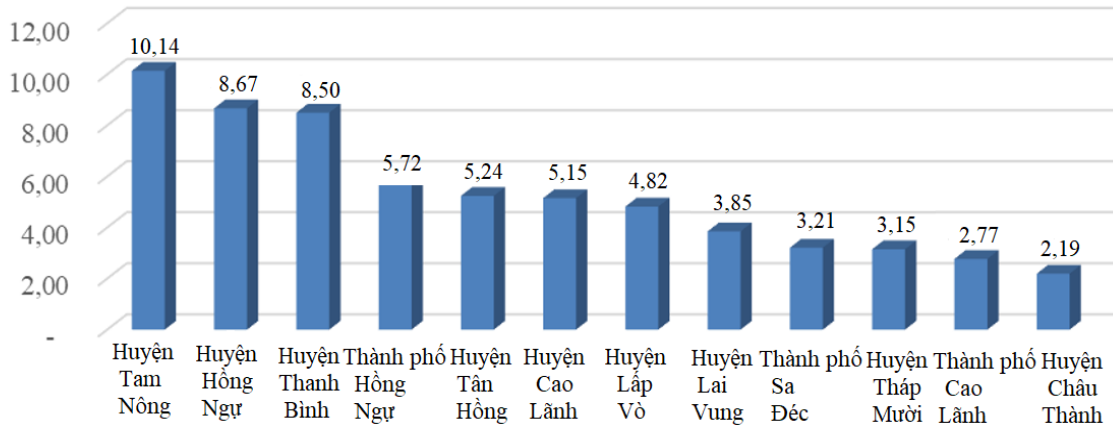
Đơn vị tính: %



Nguồn: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp, 2022.

Biểu đồ 2: So sánh tỷ lệ hộ cận nghèo giữa các đơn vị giai đoạn 2022-2025

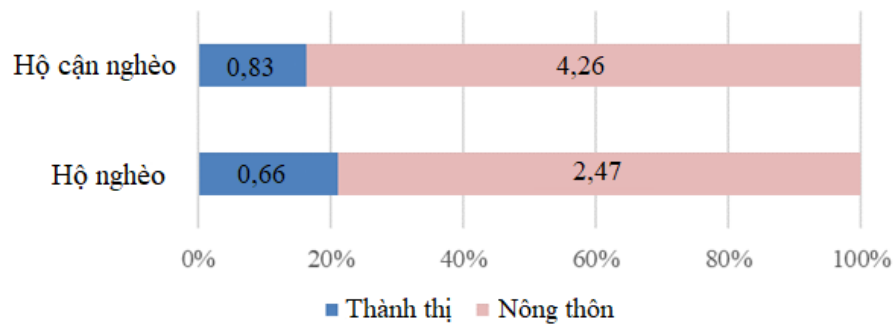
Đơn vị tính: %



Nguồn: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp, 2022.

Theo kết quả điều tra hộ nghèo, cận nghèo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025: khu vực thành thị chiếm tỷ lệ 0,66% với 2.948 hộ, khu vực nông thôn chiếm tỷ lệ 2,47% với 11.023 hộ. Tỷ lệ hộ cận nghèo toàn tỉnh là 5,09%, trong đó, khu vực thành thị chiếm tỷ lệ 0,83% với 3.703 hộ; khu vực nông thôn chiếm tỷ lệ 4,26% với 19.064 hộ, có sự chênh lệch lớn giữa thành thị và nông thôn (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp, 2022).

Biểu đồ 3: So sánh tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo giữa thành thị và nông thôn giai đoạn 2022-2025



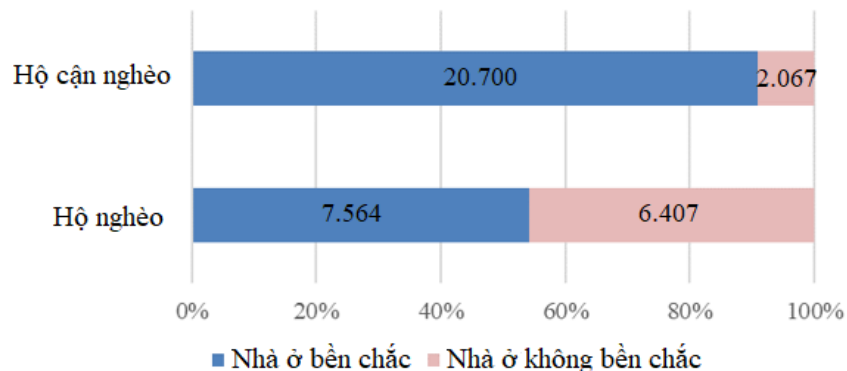
Nguồn: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp, 2022

Kết quả điều tra cho thấy, các chỉ số thiếu hụt nhu cầu xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo theo tiêu chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 là:

Thu nhập bình quân đầu người: hộ nghèo có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.451.747 đồng/người/tháng trở xuống, tương đương 17.420.964 đồng/người/năm, trong đó: đối với khu vực nông thôn là 1.279.464 đồng/người/tháng trở xuống và đối với khu vực thành thị là 1.771.429 đồng/người/tháng trở xuống. Hộ cận nghèo có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.503.495 đồng/người/tháng trở xuống, tương đương 18.041.940 đồng/người/năm, trong đó, đối với khu vực nông thôn là 1.346.429 đồng/người/tháng trở xuống và đối với khu vực thành thị là 1.827.619 đồng/người/tháng trở xuống (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp, 2022).

Về nhà ở: nhà ở hộ nghèo có 9.530 hộ, trong đó, thiếu hụt chất lượng nhà ở là 6.407 hộ, tỷ lệ 45,86%; thiếu hụt diện tích nhà ở bình quân đầu người có 3.123 hộ, tỷ lệ 22,35%. Hộ nghèo có nhà ở bền chắc đạt chuẩn theo quy định có 7.564 hộ/13.971 hộ, chiếm tỷ lệ 54,14%, nhà ở không bền chắc chưa đạt chuẩn theo quy định có 6.407 hộ/13.971 hộ, chiếm tỷ lệ 45,86%; nhà ở hộ cận nghèo có 3.147 hộ, trong đó, thiếu hụt chất lượng nhà ở là 2.067 hộ, tỷ lệ 9,08%; thiếu hụt diện tích nhà ở bình quân đầu người có 1.080 hộ, tỷ lệ 4,74%. Hộ cận nghèo có nhà ở bền chắc đạt chuẩn theo quy định có 20.700 hộ/ 22.767 hộ, chiếm tỷ lệ 90,92%, nhà ở không bền chắc chưa đạt chuẩn theo quy định có 2.067 hộ/22.767 hộ, chiếm tỷ lệ 9,08%. Kết quả rà soát cho thấy, sự chênh lệch cao về chất lượng nhà ở giữa hộ nghèo và hộ cận nghèo trong tỉnh, hiện nay còn 45,86% hộ nghèo vẫn ở nhà thiếu kiên cố chưa đạt chuẩn theo quy định, cần phải có giải pháp hỗ trợ trong thời gian tới (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp, 2022).

Biểu đồ 4: So sánh nhà ở của hộ nghèo, cận nghèo giai đoạn 2022-2025



Nguồn: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp, 2022.

Về việc làm: hộ nghèo có 8.994 hộ, trong đó, thiếu hụt về việc làm là 6.714 hộ, tỷ lệ 48,06%; người phụ thuộc trong hộ gia đình là 2.280 hộ, tỷ lệ 16,32%. Có 35.639/47.409 nhân khẩu trong độ tuổi từ 15 tuổi trở lên, chiếm tỷ lệ 75% số người nghèo trong hộ, trong đó, về khả năng lao động, có 23.848/35.639 người còn khả năng lao động, chiếm tỷ lệ 66,92%, 11.791/35.639 người không còn khả năng lao động, chiếm tỷ lệ 33,08%. Tình trạng việc làm: đang làm việc có 15.250 người, chiếm 42,79%; không có việc làm có 2.863 người, chiếm 8,03%; đang tìm việc làm có 1.992 người, chiếm 5,59%; không có khả năng lao động có 11.791 người, chiếm 33,08%; đang đi học có 2.353 người, chiếm 6,60%; không muốn đi làm có 33 người, chiếm 0,09%; nghỉ hưu/nội trợ có 1.357 người, chiếm 4,37%. Hộ cận nghèo có 7.134 hộ, trong đó, thiếu hụt về việc làm là 5.290 hộ, tỷ lệ 23,24%; người phụ thuộc trong hộ gia đình là 1.844 hộ, tỷ lệ 8,10%. Có 64.781/83.226 nhân khẩu trong độ tuổi từ 15 tuổi trở lên, chiếm tỷ lệ 77,84% số người cận nghèo trong hộ. Trong đó, về khả năng lao động, có 51.089/64.781 người còn khả năng lao động, chiếm tỷ lệ 78,86%, 13.692/64.781 người không còn khả năng lao động, chiếm tỷ lệ 21,14%. Tình trạng việc làm: đang làm việc có 41.365 người, chiếm 63,85%; không có việc làm: có 1.637 người, chiếm 2,53%; đang tìm việc làm: có 887 người, chiếm 1,37%; không có khả năng lao động: có 13.636 người, chiếm 21,05%; đang đi học: có 4.982 người, chiếm 7,69%; không muốn đi làm: có 35 người, chiếm 0,05%; nghỉ hưu/nội trợ: có 2.239 người, chiếm 3,46%. Qua đó cho thấy, tỷ lệ người phụ thuộc trong hộ nghèo tương đối lớn, để giảm nghèo mang tính bền vững và căn cơ hơn, trong thời gian tới cần có một chính sách đặc thù để hỗ trợ nhóm đối tượng phụ thuộc này (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp, 2022).

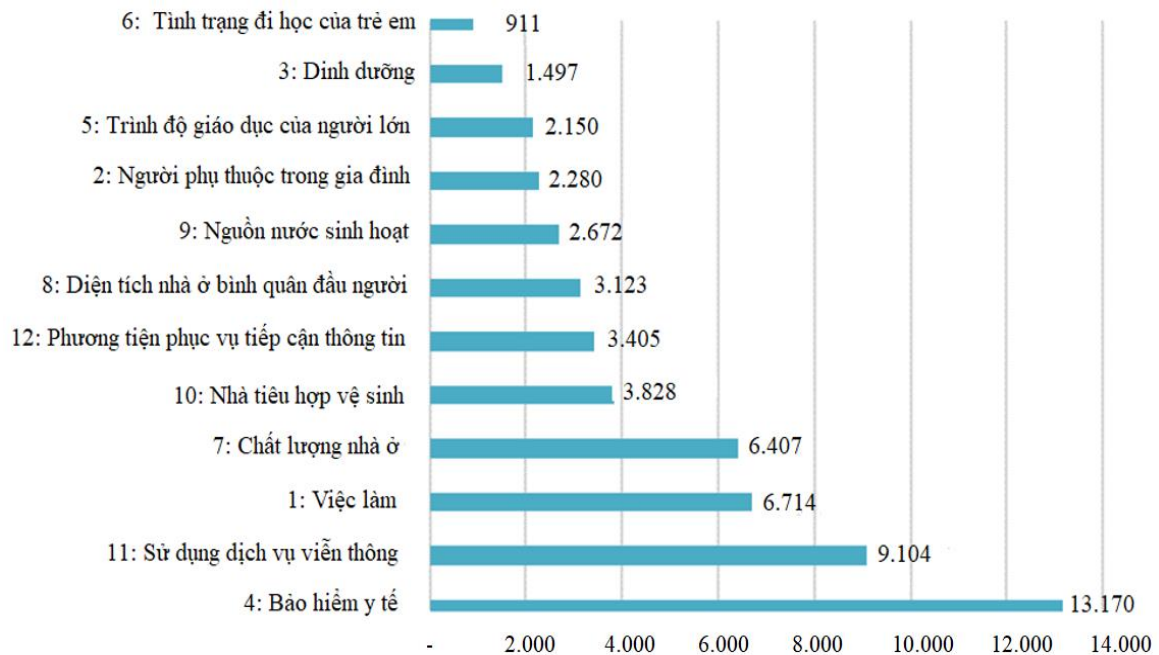
Về y tế: hộ nghèo có 14.667 hộ, trong đó, chỉ số trẻ em thiếu hụt về dinh dưỡng là 1.497 hộ, tỷ lệ 10,72%; chỉ số về bảo hiểm y tế là 13.170 hộ, tỷ lệ 94,27%. Hộ cận nghèo có 20.559 hộ, trong đó, chỉ số trẻ em thiếu hụt về dinh dưỡng là 763 hộ, tỷ lệ 3,35%; chỉ số về bảo hiểm y tế là 19.796 hộ, tỷ lệ 86,95% (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp, 2022).

Về giáo dục: hộ nghèo có 3.061 hộ, trong đó, thiếu hụt về trình độ giáo dục của người lớn là 2.150 hộ, tỷ lệ 15,39%; thiếu hụt về tình trạng đi học của trẻ em là 911 hộ, tỷ lệ 6,52%. Chưa tốt nghiệp tiểu học có 22.495 người; tiểu học có 17.195 người; trung học cơ sở có 6.130 người; trung học phổ thông có 1.589 người. Trình độ đào tạo hộ người nghèo: chưa qua đào tạo nghề có 46.031 người; sơ cấp, chứng chỉ dạy nghề có 939 người; trung cấp có 218 người; cao đẳng có 96 người; đại học có 115 người; sau đại học có 10 người. Hộ cận nghèo có 2.386 hộ, trong đó, thiếu hụt về trình độ giáo dục của người lớn là 2.072 hộ, tỷ lệ 9,10%; thiếu hụt về tình trạng đi học của trẻ em là 314 hộ, tỷ lệ 1,38%. Trình độ văn hóa người cận nghèo: chưa tốt nghiệp tiểu học có 29.685 người; tiểu học có 31.714 người; trung học cơ sở có 15.284 người; trung học phổ thông có 6.543 người; chưa qua đào tạo nghề có 76.694 người; sơ cấp, chứng chỉ dạy nghề có 4.795 người; trung cấp có 1.093 người; cao đẳng có 379 người; đại học có 256 người; sau đại học có 9 người (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp, 2022).

Về nước sinh hoạt và vệ sinh: hộ nghèo có 6.500 hộ, trong đó, thiếu hụt nguồn nước sinh hoạt có 2.672 hộ, tỷ lệ 19,13% hộ; thiếu hụt nhà tiêu hợp vệ sinh có 3.828 hộ, tỷ lệ 27,40%. Hộ cận nghèo có 975 hộ, trong đó, thiếu hụt nguồn nước sinh hoạt có 341 hộ, tỷ lệ 1,50% hộ; thiếu hụt nhà tiêu hợp vệ sinh có 634 hộ, tỷ lệ 2,78% (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp, 2022).

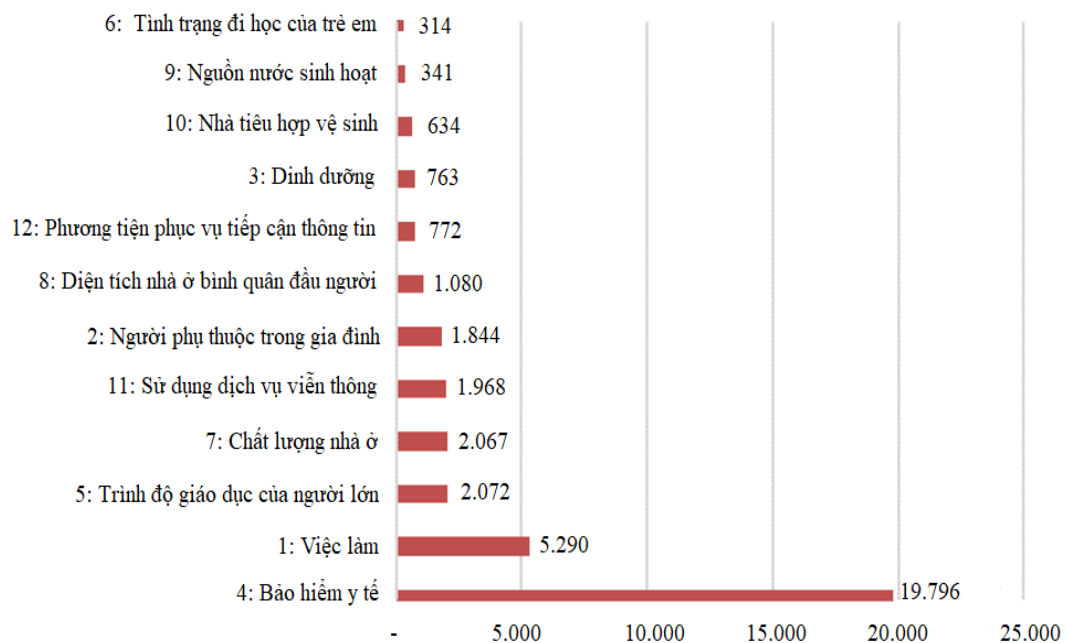
Về tiếp cận thông tin: hộ nghèo có 12.509 hộ, trong đó, thiếu hụt sử dụng dịch vụ viễn thông, Internet có 9.104 hộ, tỷ lệ 65,16%; thiếu hụt phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin 3.405 hộ, tỷ lệ 24,37%. Hộ cận nghèo có 2.740 hộ, trong đó, thiếu hụt sử dụng dịch vụ viễn thông, Internet có 1.968 hộ, tỷ lệ 8,64%; thiếu hụt phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin 772 hộ, tỷ lệ 3,39% (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp, 2022).

Biểu đồ 5: Các chỉ số thiếu hụt nhu cầu xã hội cơ bản của hộ nghèo



Nguồn: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp, 2022.

Biểu đồ 6: Các chỉ số thiếu hụt nhu cầu xã hội cơ bản của hộ cận nghèo



Nguồn: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp, 2022.

3.4. Đánh giá kết quả thực hiện chính sách giảm nghèo theo tiêu chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 ở tỉnh Đồng Tháp

Các chỉ số thiếu hụt nhu cầu dịch vụ xã hội cơ bản đóng góp nhiều vào mức độ nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 ở Đồng Tháp: (1) về nhà ở: hộ gia đình nghèo và cận nghèo đang sống trong ngôi nhà không bền chắc, trong ba kết cấu chính là tường, cột, mái thì có ít nhất hai kết cấu được làm bằng vật liệu không bền chắc và diện tích nhà ở bình quân đầu người của hộ gia đình nghèo, cận nghèo chưa đạt chuẩn theo quy định nhỏ hơn 8m²; (2) về việc làm: hộ gia đình nghèo, hộ cận nghèo đã có ít nhất một người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động, sẵn sàng, mong muốn làm việc nhưng không tìm được việc làm hoặc có việc làm công ăn lương nhưng không có hợp đồng lao động và có số người phụ thuộc trong tổng số nhân khẩu lớn hơn 50%, (người phụ thuộc bao gồm: trẻ em dưới 16 tuổi; người cao tuổi hoặc người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng); (3) về y tế: hộ gia đình nghèo, cận nghèo có trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi hoặc suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi và có người đủ 6 tuổi trở lên hiện không có bảo hiểm y tế; (4) về giáo dục: trình độ giáo dục của người lớn, hộ gia đình nghèo và cận nghèo có người trong độ tuổi từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bỏ học hoặc không tốt nghiệp trung học cơ sở, có người từ 18 tuổi đến 30 tuổi bỏ học hoặc không tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc sơ cấp/trung cấp/cao đẳng nghề, không tham gia các khóa đào tạo hoặc không có bằng cấp, chứng chỉ giáo dục đào tạo so với độ tuổi tương ứng, hoặc người từ 16 tuổi đến 30 tuổi không được doanh nghiệp tuyển dụng và chứng nhận đào tạo nghề tại chỗ bằng hình thức vừa học vừa làm; tình trạng đi học của trẻ em; hộ gia đình nghèo, cận nghèo có trẻ em từ 3 tuổi đến dưới 16 tuổi không được học đúng bậc, cấp học phù hợp với độ tuổi; (5) về nước sinh hoạt và vệ sinh: hộ gia đình nghèo, cận nghèo không tiếp cận được nguồn nước sạch trong sinh hoạt, gồm: nước máy, giếng khoan, giếng đào được bảo vệ, nước khe/nước suối được bảo vệ và nước mưa, nước đóng chai bình và không sử dụng hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh, gồm: tự hoại/bán tự hoại, thấm dột nước (Suilabh), cải tiến có ống

thông hơi (VIP), hố xí đào có bệ ngồi, hai ngăn; (6) tiếp cận thông tin: hộ gia đình nghèo, cận nghèo không có thành viên nào sử dụng dịch vụ Internet và không có phương tiện nào trong số các phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin: tivi, radio, máy tính để bàn, điện thoại, máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh.

Ở các xã vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa, các chỉ số về việc làm, bảo hiểm y tế, diện tích nhà và giáo dục người lớn, nhà tiêu hợp vệ sinh, thông tin là các chỉ số đóng góp nhiều vào mức độ nghèo đa chiều ở Đồng Tháp.

Tỉnh đã xây dựng, triển khai thực hiện mục tiêu giảm nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều trên địa bàn, đề ra mục tiêu phấn đấu cho từng năm (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp, 2021). Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo giảm nhiều qua từng năm, các chỉ số thiếu hụt của các chiều dịch vụ xã hội đều giảm cơ bản (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp, 2021), đáp ứng mục tiêu đề ra, giúp hộ nghèo phát triển kinh tế, ổn định đời sống.

Công tác điều tra, khảo sát, cập nhật biến động tăng, giảm hộ nghèo định kỳ hàng quý, năm theo chuẩn mới và quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo được thực hiện tốt, rà soát từng nhóm đối tượng, để làm cơ sở cho việc xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu giảm và đề ra những biện pháp đồng bộ, phù hợp để thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững hiệu quả.

Công tác tuyên truyền phong phú, đa dạng về nội dung, cách thức, sử dụng các phương tiện truyền thông qua đài phát thanh, truyền hình; qua báo chí; qua các bản tin trên website, bản tin; qua các buổi họp khu phố, tổ dân phố, khóm, ấp nhanh chóng đi vào cuộc sống, tạo ra hiệu ứng sâu rộng, làm chuyển biến nhận thức của các hộ nghèo phần nào khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

Tỉnh thực hiện tốt chính sách hỗ trợ chăm sóc sức khỏe; chính sách miễn giảm học phí; chính sách ưu đãi tín dụng cho học sinh, sinh viên nghèo; các chính sách phổ cập các bậc học và xoá mù chữ, nhằm nâng cao học vấn cho người nghèo/cận nghèo thiếu hụt về chỉ số y tế, giáo dục... (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp, 2021).

Khu vực biên giới của tỉnh đã có bước phát triển, phát huy dần lợi thế biên giới đất liền. Các chương trình mục tiêu quốc gia, các cơ chế, chính sách phát triển biên giới của Trung ương và địa phương bước đầu thu hút được các thành phần kinh tế tham gia vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh tại khu vực biên giới. Hệ thống hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện, cơ bản đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an ninh.

Tuy nhiên, trong thực tiễn, hoạt động thực thi chính sách giảm nghèo theo tiêu chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều ở tỉnh Đồng Tháp vẫn còn có những tồn tại, hạn chế nhất định, một số mô hình phát triển sản xuất, chăn nuôi chưa duy trì và nhân ra diện rộng; tái cơ cấu ngành nông nghiệp chậm. Mức độ đầu tư, quy mô sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn nhỏ, công nghệ sản xuất lạc hậu, số lượng, chất lượng sản phẩm không cao, sức cạnh tranh trên thị trường thấp.

Đối với các trường hợp bệnh hiểm nghèo, nguy cơ tái nghèo rất cao. Vì họ không có khả năng lao động, không thể làm việc để tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân. Cán bộ chuyên trách giảm nghèo của cấp cơ sở, huyện, thành phố thường xuyên thay đổi nên chưa được đào tạo bài bản và mang tính liên tục. Phần lớn người dân các hộ nghèo còn vướng các vấn đề như: trình độ học vấn thấp, đông con, thiếu phương tiện và tư liệu sản xuất lao động bằng các nghề (buôn bán gia đình, làm công ăn lương trong các cơ sở kinh tế nhỏ, hộ kinh tế gia đình nên không có điều kiện tham gia bảo hiểm xã hội); bản thân các hộ nghèo cũng không muốn tham gia vào các lớp đào tạo nghề ngắn hạn để nâng cao tay nghề do mất nguồn thu nhập trong quá trình tham gia học, bất cập về diện tích nhà ở, không có phương án làm ăn hiệu quả, thiếu ý thức, một số ít hộ nghèo còn ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước và xã hội; một bộ phận người dân chưa có nhận thức đúng và đầy đủ

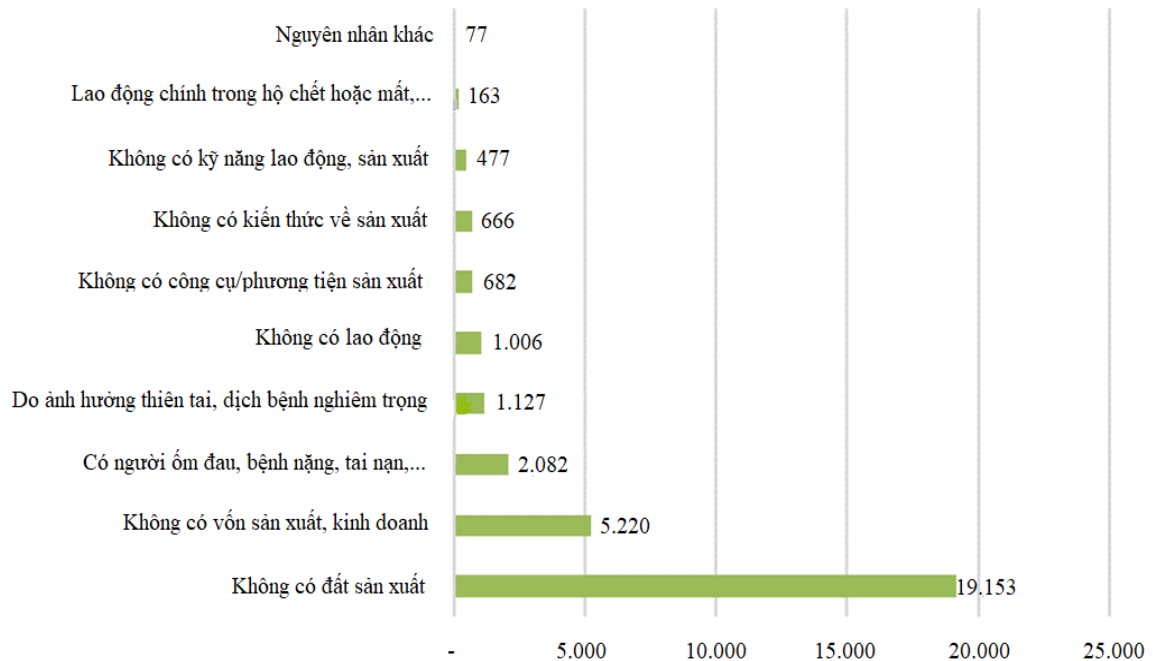
về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác giảm nghèo, chưa chủ động vươn lên thoát nghèo” (Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, 2020), sa vào tệ nạn xã hội... Một số hộ đã thoát nghèo nhưng mức thu nhập còn nằm rất sát chuẩn nghèo, nguy cơ tái nghèo cao.

Việc tuyên truyền về hỗ trợ cho người lao động có nhu cầu đi làm việc nước ngoài, trong đó có thành viên là hộ nghèo, hộ cận nghèo đạt hiệu quả chưa cao. Việc kêu gọi đầu tư xóa các khu nhà tạm bợ, không đảm bảo chất lượng, thiếu diện tích bình quân đầu người dưới 6m² chưa được doanh nghiệp quan tâm.

Đặc biệt là trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp (2019, 2020, 2021) ở tỉnh Đồng Tháp, kinh tế, đời sống của nhân dân bị tác động toàn diện, nguy cơ tái nghèo ở vùng sâu, vùng biên giới rất cao. Công tác triển khai rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo chậm so với kế hoạch, việc điều tra, rà soát hộ nghèo hàng năm thực hiện đúng quy trình nhưng có huyện, xã kết quả chưa được như mong muốn, chưa phản ánh đúng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

Những tồn tại về vấn đề nghèo chủ yếu do một số nguyên nhân chủ yếu sau: không đất sản xuất (19.153 hộ); không có vốn sản xuất, kinh doanh (5.220 hộ); không có lao động (1.006 hộ); không có công cụ, phương tiện sản xuất (682 hộ); không có kiến thức về sản xuất (666 hộ); không có kỹ năng lao động, sản xuất (477 hộ); hộ có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn (2.082 hộ); lao động chính trong hộ chết hoặc mất khả năng lao động (163 hộ); do ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh Covid-19 nghiêm trọng (1.127 hộ); nguyên nhân khác (77 hộ) (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp, 2022).

Biểu đồ 7: Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến hộ nghèo chưa thoát nghèo



Nguồn: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp, 2022.

Tỷ lệ hộ nghèo là đồng bào ở biên giới, vùng sâu còn cao, nguy cơ tái nghèo còn lớn, tâm lý một số người dân là muốn được ở lại trong diện hộ nghèo, không muốn thoát nghèo. Một số hộ gia đình ở Đồng Tháp vẫn “phấn đấu” để được vào diện hộ nghèo, một số hộ nghèo thì không muốn thoát nghèo.

Chuẩn nghèo mới giai đoạn 2022-2025 có sự thay đổi lớn so với giai đoạn 2016-2020, gây khó khăn cho việc thu thập thông tin, nhất là chỉ tiêu đánh giá hộ gia đình có trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi hoặc suy dinh dưỡng cân nặng, điều tra viên không có sẵn các dụng cụ để đo cân nặng, thước đo chiều cao.

4. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả giảm nghèo theo tiêu chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều ở tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2022-2025

Để thực hiện hiệu quả chính sách giảm nghèo theo tiêu chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều ở tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2022-2025, theo chúng tôi, tỉnh Đồng Tháp cần thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, đa dạng hóa về hình thức và nội dung tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, bản tin điện tử để nâng cao nhận thức của xã hội, các cấp chính quyền và người dân về giảm nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều ở tỉnh Đồng Tháp là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và của mọi người dân để người dân không trông chờ, ỷ lại vào nguồn ngân sách Nhà nước. Cần đổi mới công tác tuyên truyền vận động về chính sách và thực hiện chính sách cho cả đối tượng thụ hưởng lợi ích từ chính sách và các cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước để những đối tượng này nắm vững, hiểu sâu về từng nội dung của chính sách cũng như cách thức tổ chức triển khai thực hiện.

Hai là, tăng cường trợ giúp pháp lý cho người nghèo vùng sâu, vùng biên giới để họ nâng cao nhận thức, kiến thức về pháp luật tránh rơi vào nhóm yếu thế trong xã hội; vận động người lao động tham gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng. Các địa phương trong tỉnh, ngoài việc thực hiện các chính sách về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, trình độ tay nghề cho người nghèo để tạo việc làm tại chỗ, tham gia lao động trong tỉnh, ngoài tỉnh và đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài, giúp hộ nghèo có việc làm và có thu nhập ổn định, cũng cần thường xuyên trợ giúp pháp lý cho người dân để họ hiểu được chính sách, pháp luật của Nhà nước, giúp họ tích cực, chủ động tham gia vào các quan hệ xã hội phù hợp với các quy định của pháp luật.

Ba là, yếu tố quyết định thành công trong công tác giảm nghèo không chỉ ở các chính sách hỗ trợ của Nhà nước dành cho hộ nghèo, mà quan trọng nhất là phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, ý thức tự chủ, tinh thần tự lực của người dân trong quá trình xây dựng, thực hiện, giám sát nhằm nâng cao tính hiệu quả và tính bền vững của các chính sách giảm nghèo. Cần nhân rộng những mô hình hiệu quả, cách làm hay trong công tác giảm nghèo bền vững ở địa phương.

Bốn là, thực hiện xã hội hóa và quy định trách nhiệm cộng đồng trong công tác thực thi chính sách giảm nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều ở tỉnh Đồng Tháp. Coi đây là trách nhiệm chung của cả xã hội và của cả cộng đồng vì sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia. Ngoài việc huy động các nguồn vốn đóng góp tự nguyện của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, các địa phương, khi ký cam kết đầu tư, thành lập doanh nghiệp, cần có những quy định, điều khoản cụ thể về trách nhiệm đối với cộng đồng của các doanh nghiệp, các đơn vị, tổ chức cá nhân trong toàn xã hội bằng cách hình thành “Quỹ xóa đói giảm nghèo” để tạo nguồn vốn. Cần tạo ra cơ chế liên kết giữa người nghèo với doanh nghiệp.

Năm là, các cấp chính quyền tập trung lãnh đạo, chỉ đạo điều tra, rà soát phân loại hộ nghèo theo nhóm nguyên nhân nghèo, phân tích hộ nghèo theo mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản, hộ nghèo theo các nhóm đối tượng. Hàng năm, tổ chức hội nghị người nghèo, hộ nghèo đăng ký năm thoát nghèo, trên cơ sở đó, xác định các giải pháp hỗ trợ cụ thể cho từng hộ để giúp họ có điều kiện vươn lên thoát nghèo bền vững.

Sáu là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cho người nghèo để họ hiểu giá trị của đào tạo nghề, vì sao cần phải học nghề, học nghề họ sẽ được gì. Muốn xóa đói,

giảm nghèo, vươn lên thoát nghèo, họ không có con đường nào khác là phải học. Cần đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo phù hợp với nhu cầu của thị trường để họ có cơ hội trong việc tìm kiếm việc làm, góp phần nâng cao năng suất lao động, tạo việc làm gắn với tăng thu nhập, nhằm cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo, chống nguy cơ trở thành hộ nghèo, nguy cơ tái nghèo, cận nghèo, cải thiện cuộc sống; tăng cường hướng nghiệp, đào tạo nghề cho học sinh; liên kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, đa dạng hóa các loại hình đào tạo phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội theo hướng đào tạo phải gắn với giải quyết việc làm; nhân rộng và phát triển các mô hình giảm nghèo nông nghiệp, phi nông nghiệp, kinh doanh cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo gắn với quy hoạch sản xuất của địa phương, giúp các hộ sản xuất ổn định, thu nhập tăng và thoát nghèo bền vững.

Bây là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của các ngành, các cấp trong công tác quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các hoạt động giảm nghèo tại địa phương, kịp thời điều chỉnh hoặc kiến nghị điều chỉnh những bất hợp lý về chính sách và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật. Phải có sơ kết, tổng kết để kịp thời khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc và khắc phục hạn chế trong việc thực hiện giảm nghèo theo tiêu chuẩn nghèo ở tỉnh Đồng Tháp.

5. Kết luận

Giảm nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đã từng bước thực hiện đạt hiệu quả khá khả quan, khơi dậy ý chí, tự lực, tự cường vươn lên của người nghèo, để họ không có tư tưởng trông chờ, ỷ lại, từ đó làm cho diện mạo các huyện, xã, đặc biệt là hộ gia đình nghèo, thay đổi rõ rệt về đời sống vật chất và tinh thần. Kết quả này góp phần ổn định, phát triển kinh tế - xã hội trên từng địa bàn xã, góp phần hoàn thành tiêu chí nông thôn mới ở những vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, từng bước thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa thành thị và nông thôn, giữa các địa bàn, nhóm dân cư. Tuy nhiên, cũng cần thẳng thắn nhìn nhận công tác thực hiện giảm nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều ở tỉnh Đồng Tháp vẫn còn một số tồn tại nhất định: lãnh đạo, chỉ đạo điều tra, rà soát phân loại hộ nghèo theo nhóm nguyên nhân nghèo, phân tích hộ nghèo theo mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản, hộ nghèo theo các nhóm đối tượng còn lúng túng, nhận thức của cán bộ lãnh đạo, quản lý, người dân chưa cao, đào tạo nghề chưa đúng với ứng nhu cầu của người nghèo và xã hội, còn buông lỏng trong công tác kiểm tra, giám sát, tâm lý một số người dân là còn muốn được diện hộ nghèo, không muốn thoát nghèo, còn trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước.

Để giảm nghèo bền vững, thực thi chính sách giảm nghèo theo tiêu chí chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, cùng với sự nỗ lực của địa phương trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, sự chung tay của cả cộng đồng có vai trò vô cùng quan trọng, và sự nỗ lực vươn lên của chính những người nghèo cũng hết sức quan trọng. Chỉ khi nào tự người nghèo nhận thức được cần phải tự nỗ lực vươn lên thì khi đó các chính sách hỗ trợ của tỉnh mới thực sự hiệu quả, việc thoát nghèo mới thực sự bền vững.

Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ (2021), *Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025*.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2020), *Kết luận số 92-KL/TW của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020*.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Quốc hội (2020), *Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24/6/2020 của Quốc hội về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020*.
5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp (2021), *Báo cáo số 346/BC-SLĐTBXH, ngày 15 tháng 11 năm 2021 về kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022*.
6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp (2022), *Báo cáo số 01/BC-SLĐTBXH, ngày 15 tháng 5 năm 2022 về phân tích dữ liệu kết quả tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022 - 2025*.
7. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định số 59/QĐ-TTg, ngày 19 tháng 11 năm 2015, về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020*, Hà Nội.
8. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025*.
9. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (2020), *Báo cáo số 217/BC-UBND, ngày 14 tháng 8 năm 2020, về việc đánh giá tổng kết Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020*.
10. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (2022), *Kế hoạch số 302/KH-UBND, ngày 26 tháng 8 năm 2022 Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp*.
11. Đặng Nguyên Anh (2015), “Nghèo đa chiều ở Việt Nam: Một số vấn đề chính sách và thực tiễn”, <https://vass.gov.vn/nguyen-cuu-khoa-hoc-xa-hoi-va-nhan-van/ngheo-da-chieu-o-viet-nam-mot-so-van-de-chinh-sach-va-thuc-tien-21>, truy cập ngày 17/8/2022.